

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày 27 - 6 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thoan.

2. Bà Lê Thị Hải Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B;

Trụ sở đóng tại: Tòa nhà C, 10 Trần H, phường C, quận H, thành phố Hà N;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Công H, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm giám sát kinh doanh; Địa chỉ: Số B, Quốc Lộ C, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Theo Quyết định ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định ủy quyền số: 136/2019/QĐ-LPB.QTR ngày 20 tháng 02 năm 2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Như Th, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố T, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B trình bày:

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh Quảng Trị (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng L Quảng Trị) với bà Lê Thị Như Th (Sau đây viết tắt là: bà Th) ký kết Hợp đồng tín dụng số: 46020172332. Hợp đồng có một số nội dung sau:

- Số tiền Ngân hàng L Quảng Trị cho bà Th vay: 50.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân

đầu tiên.

- Lãi suất, cách tính lãi suất, kỳ trả nợ gốc và lãi:

Lãi suất trong hạn: 09%/năm được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng.

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc ban đầu và thời gian vay thực tế.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả định kỳ vào ngày 25 của mỗi tháng, chia thành 36 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 10/2017; 35 kỳ đầu tiên, mỗi kỳ trả 1.390.000 đồng; kỳ trả cuối cùng: 1.350.000 đồng.

Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ vào ngày 25 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu; bắt đầu trả lãi từ tháng 10 năm 2017.

Ngày trả nợ gốc và lãi cuối cùng: ngày 07 tháng 9 năm 2020

- Hình thức bảo đảm tiền vay: Ngân hàng L Quảng Trị cho bà Th vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

- Ngày 07 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng L Quảng Trị giải ngân số tiền cho vay 50.000.000 đồng cho bà Th.

- Bà Th đã thực hiện 15 kỳ trả nợ (13 kỳ đầu và kỳ thứ 15 trả đúng kỳ hạn thỏa thuận; Kỳ thứ 14 trả chậm kỳ hạn thỏa thuận), kỳ trả sau cùng là ngày 25 tháng 12 năm 2018, kể từ đó đến nay, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Vì vậy, khoản nợ vay của bà Th bị Ngân hàng L Quảng Trị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2018 (do bà Th vi phạm kỳ trả nợ của tháng 11/2018).

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với bà Th:

- Buộc bà Th phải trả nợ vay còn lại của Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 ngày 07 tháng 9 năm 2017 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B, với tổng số tiền: 30.688.317 đồng, trong đó: Tiền gốc: 29.951.649 đồng, tiền lãi trong hạn: 712.500 đồng, tiền lãi quá hạn: 24.168 đồng (tạm tính đến ngày 20 tháng 02 năm 2019)

- Buộc bà Th tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B trên số tiền chậm trả kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2019 cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2- Bị đơn là bà Lê Thị Như Th không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

3- Tại phiên tòa: Ngân hàng Thương mại cổ phần B bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bổ sung yêu cầu tiền lãi kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2019 đến ngày 27 tháng 6 năm 2019, với số tiền là 1.901.925 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1- Việc bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất kháng kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

1.2- Điều kiện khởi kiện: Bên vay (bà Th) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền vay nên Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền khởi kiện để thu hồi nợ trước thời hạn theo thỏa thuận được quy định tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 ngày 07 tháng 9 năm 2017

1.3- Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu tiền lãi kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2019 đến ngày 27 tháng 6 năm 2019, với số tiền là 1.901.925 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu bổ sung tại phiên tòa của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận xem xét yêu cầu bổ sung của nguyên đơn trong cùng vụ án này.

[2] Về nội dung:

- Xét nội dung Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 ngày 07 tháng 9 năm 2017, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên (Ngân hàng L Quảng Trị và bà Th); nội dung thỏa thuận về lãi suất (lãi trong hạn và lãi quá hạn); Lãi suất nợ lãi chậm trả và cách tính tiền lãi vay được ghi nhận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể: Khoản 2, khoản 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, quy định về lãi suất cho vay và cách tính tiền lãi vay; Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019, quy định về lãi suất nợ lãi chậm trả. Như vậy, Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký kết hợp đồng là ngày 07 tháng 9 năm 2017

- Xem xét quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên, Hội đồng xét xử thấy: Ngay sau khi ký kết hợp đồng, bà Th đã nhận được tiền vay (50.000.000 đồng). Bà Th đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ 13 kỳ; kỳ trả nợ thứ 14- bà Th đã vi phạm thời hạn. Vì vậy, Ngân hàng L Quảng Trị chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn là phù hợp với nội dung thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng số: 46020172332. Ngoài việc trả thêm kỳ trả nợ thứ 15, trả vào ngày 25 tháng 12 năm

2018 thì bà Th không còn trả nợ thêm một kỳ nào khác. Như vậy, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền vay nên căn cứ khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Như Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận toàn bộ nên trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2, khoản 3 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

- Buộc bà Lê Thị Như Th phải trả nợ vay còn lại của Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 ngày 07 tháng 9 năm 2017 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B, với tổng số tiền: 32.590.242 đồng, trong đó: Tiền gốc: 29.951.649 đồng, tiền lãi trong hạn: 2.300.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 338.593 đồng (tạm tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2019)

- Bà Lê Thị Th phải tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 46020172332 ngày 07 tháng 9 năm 2017 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B trên số tiền chậm trả kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2019 cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Như Th phải chịu 1.629.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 767.000 đồng theo Biên lai số AA/2014/0009663 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy

